

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỎ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 5 năm 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên, ông Ngô Văn Thề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 88/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị T L M. Sinh năm: ...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

Bị đơn: Anh T T L. Sinh năm: ...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị T L M trình bày:

Chị và anh L được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2016, nhưng đến ngày 14/01/2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi chung sống với nhau anh chị sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, anh L không quan tâm tới vợ con, còn đánh đập và dọa giết chị M. Đến nay chị M không còn tình cảm với anh L nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để giải thoát cho cả hai.

Về con chung: Chị M và anh L có 02 con chung, tên là T A Q, sinh .. và T L H, sinh ngày ... Tại phiên tòa chị M đồng ý để anh L nuôi cả 02 cháu cho đến khi các cháu

đủ 18 tuổi. Chị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho cả hai cháu, vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh L tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh T T L trình bày: Việc anh và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng như lời khai của chị M. Sau khi chung sống cùng nhau thì anh chị chung sống bình thường, nhưng do điều kiện gia đình khó khăn, vợ chồng cũng có lúc cãi nhau, anh đi làm xa kiếm tiền để trả nợ cho gia đình nên ít có thời gian quan tâm, chia sẻ với vợ con chị M không hiểu cho anh nên mới muốn ly hôn với anh L. Anh L vẫn còn tình cảm vợ chồng nên không nhất trí ly hôn với chị M. Nếu phải ly hôn về con chung anh L sẽ là người nuôi cả cháu Q và cháu H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh cũng nhất trí với mức cấp dưỡng nuôi con của chị M. Về tài sản chung, nợ chung, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh L không có yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành lấy ý kiến của cháu T A Q. Nguyên vọng của cháu Q sau khi bố mẹ ly hôn là muốn được ở cùng bố.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của chị T L M, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị T L M được ly hôn với anh T T L. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị là giao cháu T A Q và cháu T L H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh L mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho cả hai cháu, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự và cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T L M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh T T L. Chị M và anh L đều đăng ký hộ khẩu tại bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T L M và anh T T L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2019, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Chị M và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị M và anh L chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị thường xuyên cãi nhau, không hợp nhau, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Xét thấy cuộc sống chung vợ chồng giữa hai anh chị không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, giải quyết cho chị T L M được ly hôn với anh T T L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị M và anh L có 02 con chung, tên là T A Q, sinh .. và T L H, sinh ngày ... Anh chị thỏa thuận, thống nhất giao cả cháu Q và cháu H cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng là 2.000.000 đồng trên cả hai cháu, vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự và án phí cấp dưỡng do là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị T L M được ly hôn với anh T T L.

Về con chung: Giao cháu T A Q, sinh .. và T L H, sinh ngày .. cho anh L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị M được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho cả hai cháu, vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị M và anh L tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị T L M được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B;
- Dương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Trung Tá